

Bản án số 289/2025/HS-PT
Ngày 15/09/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;
Ông Đặng Đình Lực.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 155/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Trần Quang Q. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Trần Quang Q** - Sinh ngày 23 tháng 10 năm 1988 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu Đ, phường H, tỉnh Quảng Ninh (trước đây là phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn P và bà: Phạm Thị Tuyết O; có vợ là: Phạm Thị Ánh T và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tự thú ngày 17/12/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn V nhận thấy nhu cầu mua pháo nổ dịp tết lớn nên đã thống nhất tìm mối để mua pháo nổ và nguyên liệu về tự sản xuất pháo để bán kiếm lời. Khoảng tháng 3/2024 L dùng tài khoản mạng xã hội Facebook của mình tham gia vào một hội nhóm Facebook có tên cuối là “Hội hoa đăng” trong hội nhóm có đăng nội dung: *mua bán pháo hoa dàn, pháo trứng; đăng loại pháo, giá tiền từng loại pháo*. L kết bạn Facebook với một tài khoản có tên “Vàng Cá”, L và chủ tài khoản mang tên “Vàng Cá” không quen biết, chưa gặp mặt, chỉ giao dịch với nhau qua mạng trao đổi thống nhất giá cả; loại pháo; số lượng pháo mà L sẽ mua là loại pháo hoa dàn 49 lỗ, với giá bán cho L là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 dàn. Đối tượng này cho L số tài khoản ngân hàng: 6260857669 đăng ký tại BIDV tỉnh G và số tài khoản 0291000347621 đăng ký tại VCB tỉnh G để Luân chuyển tiền mua pháo vào 02 tài khoản này, đồng thời yêu cầu L cho số điện thoại để liên lạc, sau này Cơ quan điều tra xác định được đây là 02 số tài khoản do đối tượng Phạm Xuân C sinh năm 1993, trú tại xã I'Suơm, huyện K, tỉnh Gia Lai gửi cho L để giao dịch mua bán pháo. L đã dùng số tài khoản 6050106282004 mở tại ngân hàng M nhiều lần chuyển tiền mua pháo hoa dàn cho C. Sau mỗi lần Luân chuyển tiền, khoảng từ 4-10 ngày sẽ có điện thoại của xe khách điện thoại cho L để giao pháo; Địa điểm nhận pháo tại gần cây xăng Quốc lộ A đối diện với đường rẽ vào trường Đại học C2, phường Y, thành phố Đ. Pháo được đựng trong thùng xốp dán kín, L vận chuyển về phòng làm việc của V tại mỏ đá Y, Đ cất giấu. Khi có khách mua pháo, V sẽ bán. Cũng trong thời gian này, L 02 lần nhờ V đi nhận hộ pháo. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng 6050106282004 của L mở tại ngân hàng M thể hiện: *từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024 L đã 11 lần chuyển tiền đến số tài khoản ngân hàng số 6260857669 và số 0291000347621 với tổng số tiền là 107.990.000đ để mua pháo hoa nổ. Trong đó có 08 lần với số tiền 62.730.000 đồng đã nhận được pháo hoa nổ, còn 03 lần cuối Luân chuyển tiền nhưng không nhận được pháo*.

Ngoài mua pháo của C, L khai: còn kết bạn với một số tài khoản Facebook khác, nhưng L không nhớ tên tài khoản trên nhóm “Hội hoa đăng”. L có mua của những tài khoản này, pháo hoa dàn loại 100 lỗ, pháo trứng loại to, pháo trứng loại nhỏ và nguyên liệu, hóa chất dùng để sản xuất pháo. Hai bên thống nhất loại pháo, số lượng, giá cả, sau đó L cho chủ tài khoản số điện thoại sim rác của L và thống nhất khi L nhận được pháo sẽ trả tiền trực tiếp cho người giao pháo. Sau đó, khoảng từ 5-10 ngày có nhà xe gọi điện để giao pháo cho L tại đường Q, gần khu vực cổng trường Đại học C2, L sẽ trả tiền mua pháo cho nhà xe, pháo được để trong thùng xốp dán kín.

Việc mua bán pháo L không ghi chép sổ sách, không nhớ được số lượng, chủng loại cụ thể pháo đã mua. L sử dụng nhiều sim rác, không nhớ số sim dùng để liên lạc mua pháo. Sim và điện thoại L đã vứt đi khi nghe tin V bị Công an bắt.

V và L thống nhất: mỗi dàn pháo hoa Viên bán trả cho L 200.000 đồng/1 dàn; pháo trứng Viên bán lãi khoảng 6.000.000 đồng/1 thùng chia cho L khoảng 3.000.000 đồng/1 thùng. Còn pháo do V tự làm bán không phải chia tiền cho L. Để tránh bị phát hiện đối với số pháo và nguyên liệu để sản xuất pháo, L và V thống nhất cất giấu tại khu vực lán thuộc mỏ đá công ty Đ nơi V đang làm bảo vệ.

Khoảng tháng 10/2024, Trần Quang Q là người quen của V, được V cho biết V có pháo bán, cụ thể giá của từng loại pháo là: pháo trứng cỡ nhỏ (pháo 110) giá 800.000 đồng/1 quả; pháo trứng cỡ to loại 130 giá 1.200.000 đồng/1 quả; pháo hoa dàn (loại 49 lỗ) giá 1.500.000 đồng/1 dàn và pháo hoa dàn (loại 100 lỗ) giá 2.700.000 đồng/1 dàn. Do đó tháng 11/2024, khi Nguyễn Văn T1 là bạn của Q nói có nhu cầu muốn mua pháo về đốt dịp tết, Q đã trao đổi với T1 giá cả của từng loại pháo như nêu trên thì T1 đồng ý và đặt mua. Q đã mua pháo của V với số tiền 27.150.000đ và đem bán cho T1 05 lần trong đó loại dàn 100 lỗ là 05 dàn, 42 quả pháo trứng và pháo hoa nổ với tổng số tiền là 36.700.000 đồng. Sau khi mua pháo về, T1 đã đốt thử 01 dàn loại 100 lỗ nhưng nổ không đẹp nên T1 đã trả lại Q 04 dàn, sau đó Q trả lại Viên do để pháo bị ẩm nên V đã đem vứt 04 dàn pháo này đi. Số pháo còn lại, T1 để tại nơi ở của mình tại nhà nghỉ T3.

Ngoài ra, V còn bán pháo cho Thân Thế A, trú tại tổ F, khu V, phường M, thành phố Đ 02 dàn pháo hoa loại 49 lỗ với giá 2.800.000 đồng, bán cho Trần Thanh H1 trú tại khu N, phường H, thành phố Đ 02 dàn pháo hoa loại 49 lỗ với giá 3.000.000 đồng. Số pháo này, A và H1 khai sợ bị phát hiện nên không sử dụng đã vứt bỏ. Số pháo còn lại, V chưa kịp bán còn để ở nơi làm việc của V tại mỏ đá Y, Đ bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Khám xét nơi ở và nơi làm việc của V, thu giữ: 130,165kg pháo hoa nổ; Thu giữ tại gầm cầu thang tầng 1 nhà nghỉ T3 của Nguyễn Văn T1: 40 quả pháo trứng loại nhỏ; 02 quả pháo trứng loại to, 01 dàn pháo hoa có tổng trọng lượng là 21,35kg; Thu giữ tại nhà Trần Quang Q 01 băng pháo nổ và 02 quả pháo hình trụ 1,71 kg; Thu giữ tại nhà L 02 quả pháo hình trụ trọng lượng 2,915kg.

Tại Kết luận giám định số 3789/KL-KTHS, ngày 19/12/2024 Phòng K1 Công an thành phố H kết luận:

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T1 là loại: Pháo hoa nổ; không đủ cơ sở xác định do nước nào sản xuất; Tổng trọng lượng là: 21,35kg
- Vật chứng thu giữ của Trần Quang Q là Pháo nổ; không đủ cơ sở xác định do nước nào sản xuất có trọng lượng là 1,71kg
- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn L là Pháo nổ và Pháo hoa nổ; không đủ cơ sở xác định do nước nào sản xuất có trọng lượng là 124,22kg.

Ngày 20/12/2024 Phòng K1 Công an thành phố H có kết luận giám định số 3825/KL-KTHS kết luận:

- Vật chứng thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn L là Pháo hoa nổ; không đủ cơ sở xác định do nước nào sản xuất; Tổng trọng lượng là: 2,915kg

Ngày 06/1/2025 V1- Bộ C3 có kết luận giám định số 142/KL-KTHS kết luận:

- Mẫu gửi giám định là hóa chất, nguyên liệu trực tiếp để sản xuất pháo nổ, tổng trọng lượng là 3,9 kg.

Về nguồn gốc số pháo hoa nổ loại 49 lỗ, quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn L mua là của Phạm Văn C1. C1 cũng đặt mua pháo qua mạng xã hội Facebook với đối tượng không quen biết là Hồ Nghĩa Tuấn A1 sinh năm 1996, trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Cảnh mua của Tuấn A1 với giá từ 600.000đ đến 650.000đ/dàn để bán cho L với giá 1.000.000đ/ dàn. Sau khi nhận được tiền của Luân chuyển K, C1 sẽ trích lại khoản tiền lợi nhuận chênh lệch rồi chuyển khoản cho Tuấn A1, đồng thời C1 chuyển địa chỉ nhận pháo của L cho Tuấn A1 để Tuấn A1 trực tiếp chuyển pháo cho L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V, Trần Quang Q và Nguyễn Văn T1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên.

Người làm chứng anh Trần Thanh H1 và anh Thân Thế A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo V về nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 4897/CT-VKSQN-P3 ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Luân và Nguyễn Văn Viên về tội: “Sản xuất, buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Quang Q về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội: “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Quang Q phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quang Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2024.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng; án phí; thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2025, bị cáo Trần Quang Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Quang Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là động chính trong gia đình; bị cáo đã nộp tiền truy thu và tiền án phí hình sự sơ thẩm; có ông nội (ông Trần Quang T2) là liệt sỹ.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357; Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q; sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 2 đến 3 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện là đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo Trần Quang Q trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Quang Q, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội, tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bản thân đúng như nội dung Bản án sơ thẩm quy kết. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2024, tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn V đã có hành vi mua bán trái phép pháo hoa nổ và nguyên liệu để sản xuất pháo.

Trong đó, L là người tìm mua nguồn pháo hoa, pháo trứng còn V là người tìm đầu mối để bán và là người trực tiếp sản xuất pháo để bán. Tổng số lượng pháo gồm: 147,28 kg pháo hoa nổ và 3,9 kg hóa chất nguyên liệu về sản xuất pháo, tổng trọng lượng là 151,18 kg; đã bán cho các đối tượng gồm: Thân Thế A và Trần Thanh H1, mỗi người 02 dàn pháo hoa nổ (loại 49 lỗ) để sử dụng, A mua với giá 2.800.000 đồng; H1 mua với giá 3.000.000 đồng; và bán cho Trần Quang Q 23,06 kg pháo hoa nổ với số tiền là 27.150.000 đồng; Q bán lại cho Nguyễn Văn T1 21,35 kg pháo hoa nổ với số tiền là 36.700.000 đồng, T1 mang về nhà cất giấu, nhằm mục đích sử dụng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Quang Q đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự như Bán án sơ thẩm đã quy kết là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, tàng trữ, vận chuyển buôn bán pháo hoa, pháo nổ loại Nhà nước quy định là hàng cấm, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tiềm ẩn nguyên nhân gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng con người và môi trường. Bị cáo nhận thức rõ hành vi sản xuất, buôn bán và tàng trữ hàng cấm là vi phạm pháp luật, nhưng do háms lợi và sở thích của bản thân nên đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo và vai trò của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi bán pháo cho Nguyễn Văn T1, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra tự thú về hành phạm tội của mình và có ông nội (ông Trần Quang T2) là người có công với Nhà nước (được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương chiến công giải phóng) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quang Q xuất trình những tình tiết mới: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là động chính trong gia đình; bị cáo đã nộp tiền truy thu và tiền án phí hình sự sơ thẩm. Những tình tiết giảm nhẹ này được quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[3] Đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang Q.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng ninh, cụ thể như sau:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Quang Q phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

1.2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

1.2.1. Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1.2.2. Xử phạt bị cáo Trần Quang Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2024.

1.3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Trần Quang Q phải nộp số tiền 9.550.000 đồng (chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp xong số tiền 9.550.000 đồng theo biên lai số 0000274 ngày 15/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí hình sự:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo đã nộp xong 200.000đ. Bị cáo đã nộp xong số tiền 200.000đ đồng theo biên lai số 0000274 ngày 15/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quang Q không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TTG - Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà